

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM.....	8
1.1. Khái quát chung về kết hôn, kết hôn trái pháp luật và vấn đề điều chỉnh pháp luật.....	8
1.1.1 Khái niệm về kết hôn, điều kiện kết hôn	8
1.1.2. Khái niệm về kết hôn trái pháp luật	21
1.1.3. Khái niệm về hủy việc kết hôn trái pháp luật.....	23
1.2. Điều chỉnh pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	26
1.2.1. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong cổ luật Việt Nam.....	26
1.2.2. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật thời kỳ Pháp thuộc.....	28
1.2.3. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975.....	30
1.2.4. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn từ năm 1975 đến nay	36
Chương 2: NỘI DUNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT	41
2.1. Nguyên tắc xử lý đối với hủy việc kết hôn trái pháp luật	41
2.2. Người có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật	43
2.2.1. Bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn	45
2.2.2. Viện kiểm sát	46
2.2.3. Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ	47
2.2.4. Vợ, chồng, cha, mẹ, con cái của các bên kết hôn	48

2.3. Thẩm quyền của Tòa án và thủ tục hủy việc kết hôn trái pháp luật	50
2.4. Căn cứ của hủy việc kết hôn trái pháp luật và đường lối giải quyết đối với các trường hợp kết hôn trái pháp luật	53
2.4.1. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm độ tuổi kết hôn.....	53
2.4.2 Kết hôn trái pháp luật do vi phạm sự tự nguyện	61
2.4.3. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm các trường hợp cấm kết hôn.....	65
2.5. Hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.....	85
2.5.1. Quan hệ nhân thân	85
2.5.2. Quan hệ cha, mẹ và con.....	85
2.5.3. Quan hệ tài sản.....	87
2.6. Một số ý kiến về thực tiễn giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật	88
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	91
3.1. Phương hướng cơ bản để hoàn thiện pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật.....	91
3.1.1. Nhu cầu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật	91
3.1.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật.....	93
3.2. Một số giải pháp cơ bản hoàn thiện quy định về hủy kết hôn trái pháp luật.....	95
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	100

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.

Việc không tuân thủ các điều kiện kết hôn vẫn đang diễn ra hàng ngày. Các trường hợp này đã có những tác động tiêu cực đến các mặt của xã hội, ảnh hưởng tới đạo đức, nhân cách, lối sống của con người, phá vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng tới sức khoẻ và việc duy trì nòi giống của dân tộc. Vì vậy, Nhà nước ta đã điều chỉnh hiện tượng này bằng chế tài Huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Là chế tài nên hậu quả của huỷ việc kết hôn trái pháp luật là rất nặng nề. Do đó, nghiên cứu về vấn đề huỷ việc kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình là vô cùng cần thiết. Không chỉ nhằm giải quyết huỷ việc kết hôn trái pháp luật được hiệu quả, mà quan trọng hơn đó là hoàn thiện hơn nữa chế tài này. Nhằm làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc huỷ việc kết hôn trái pháp luật, qua đó đề xuất những luận cứ cho việc hoàn thiện pháp luật về hôn nhân và gia đình mà cụ thể là chế định huỷ việc kết hôn trái pháp luật, tác giả lựa chọn đề tài “**Huỷ việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2000- Vấn đề lý luận và thực tiễn**” làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời qua cũng đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề này. Đã có một số bài viết mang tính chất nghiên cứu một số nội dung của vấn đề huỷ việc kết hôn trái pháp luật được đăng tải trên tạp chí Luật học, Tạp chí Nhà nước và pháp luật... kể cả một số luận văn thạc sĩ và luận văn tiến sĩ luật học nghiên cứu liên quan. Một số các bài báo, tạp chí chuyên ngành luật được đăng tải trên các Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Kiểm sát, tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Luật học... cũng đã có đề cập tới vấn đề này, tuy nhiên chỉ dừng lại một khía cạnh nào đó.

Như vậy, có thể nhận thấy mỗi công trình nghiên cứu là một sự khai thác khác nhau, nhìn nhận vấn đề dưới các góc độ khác nhau.

Với công trình của mình, tác giả tiếp cận vấn đề một cách tổng quan về lý luận cũng như thực tiễn của huỷ việc kết hôn trái pháp luật.

3. Mục đích, nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ khái niệm huỷ việc kết hôn trái pháp luật, đường lối giải quyết huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận cũng như các quy định pháp lý về vấn đề huỷ việc kết hôn trái pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo trật tự xã hội. Đồng thời, phân tích, đánh giá, nhìn nhận thực trạng và xu hướng phát triển các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật của Nhà nước về vấn đề huỷ việc kết hôn trái pháp luật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Là một số công trình khoa học đã công bố về huỷ việc kết hôn trái pháp luật, các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2000; văn bản pháp luật hôn nhân và gia đình của Việt Nam qua các thời kỳ; thực tiễn pháp luật trong huỷ việc kết hôn trái pháp luật.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Với tên đề tài: ***Huỷ việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 - Vấn đề lý luận và thực tiễn***, luận văn sẽ chủ yếu đề cập đến các vấn đề lý luận xung quanh khái niệm huỷ việc kết hôn trái pháp luật; những quy định về huỷ việc kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 cũng như thực tiễn giải quyết huỷ việc kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam, từ đó tìm ra những bất cập và đưa ra các phương hướng giải quyết.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Cũng như mọi công trình khoa học khác phương pháp luận sử dụng trong việc nghiên cứu đề tài là phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, tác giả còn sử dụng các

phương pháp bổ trợ như phương pháp so sánh, tổng hợp, đối chiếu, lịch sử để nhằm đánh giá vấn đề một cách khách quan, toàn diện nhất.

6. Những điểm mới của luận văn

So với những công trình nghiên cứu về hủy việc kết hôn trái pháp luật trước đây, luận văn có những điểm mới như sau:

- Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật của hủy việc kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Luận văn nêu ra những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện áp dụng pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Luận văn đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Với tư cách là một công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề hủy việc kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ mang lại những đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hủy việc kết hôn trái pháp luật theo pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Nội dung pháp luật Việt Nam hiện hành về hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp tăng cường hiệu quả điều chỉnh pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1.1. Khái quát chung về kết hôn, kết hôn trái pháp luật và vấn đề điều chỉnh pháp luật.

1.1.1 Khái niệm về kết hôn, điều kiện kết hôn.

Pháp luật nước ta đã có những quy định chặt chẽ về điều kiện để việc kết hôn được coi là hợp pháp và được Nhà nước công nhận, bảo hộ. Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Kết hôn là việc nam, nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn”. Như vậy, pháp luật nước ta quy định kết hôn hợp pháp phải thỏa mãn hai điều kiện.

Thứ nhất, chủ thể kết hôn phải thể hiện ý chí là mong muốn được kết hôn với nhau, ý chí của hai bên phải thống nhất với sự thể hiện ý chí.

Thứ hai: Việc kết hôn phải được Nhà nước thừa nhận.

Từ khái niệm kết hôn, có thể thấy kết hôn chỉ được coi là hợp pháp khi nó thỏa mãn điều kiện của kết hôn.

1.1.2. Khái niệm về kết hôn trái pháp luật.

Các trường hợp kết hôn không thỏa mãn điều kiện kết hôn thì được coi là kết hôn trái pháp luật. Theo khoản 3 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Kết hôn trái pháp luật là việc xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng vi phạm điều kiện kết hôn do pháp luật quy định". Như vậy, chỉ coi là kết hôn trái pháp luật khi mang hai dấu hiệu cần và đủ, đó là, vi phạm một trong các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và có đăng ký kết hôn.

1.1.3. Khái niệm về hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Pháp luật quy định các biện pháp xử lý kết hôn trái pháp luật gồm: huỷ việc kết hôn trái pháp luật hoặc xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự. Tùy từng trường hợp cụ thể, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, chủ thể thực hiện mà áp dụng các biện pháp

khác nhau. Tuy nhiên trong phạm vi luận văn, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

1.2. Điều chỉnh pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

1.2.1. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong cổ luật Việt Nam.

Di sản pháp luật thời kỳ này không còn được lưu giữ nhiều, tiêu biểu cho pháp luật thời kỳ này là hai bộ luật Bộ luật Hồng Đức (Quốc triều hình luật) được ban hành dưới triều Lê (1428-1788) và Bộ luật Gia Long (Hoàng Việt luật lệ) được ban hành năm 1815 dưới thời Nguyễn. Đây là hai bộ luật chính thống và quan trọng nhất của triều Lê và triều Nguyễn.

Trong cả hai bộ luật đều có quy định về các trường hợp tiêu hôn. Tiêu hôn là biện pháp xử lý trường hợp vi phạm các điều kiện về cấm kết hôn. Cả hai bộ luật trên đều có những điều kiện nhằm giới hạn những trường hợp có thể tiêu hủy hôn nhân. Pháp luật có sự phân biệt trường hợp vi phạm điều kiện thường và trường hợp vi phạm các điều kiện chủ yếu để có những biện pháp xử lý tương ứng. Đối với trường hợp điều kiện thiết yếu thì pháp luật không công nhận tính hợp pháp và bị tiêu hủy. Còn đối với trường hợp vi phạm điều kiện thường thì có thể chỉ bị phạt mà hôn nhân vẫn tồn tại, không bị tiêu hủy.

1.2.2. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật thời kỳ Pháp thuộc.

Dựa theo Bộ luật Dân sự của Cộng hòa Pháp (1804), thực dân Pháp đã ban hành ba Bộ luật dân sự. Trong đó, tại Bắc Kỳ là Bộ Dân luật năm 1931; tại Trung Kỳ là Bộ Dân luật Trung Kỳ năm 1936; tại Nam Kỳ là Bộ Dân luật Giảm yếu năm 1883. Ba bộ luật đều có những quy định khác nhau về điều kiện kết hôn song cùng chung đặc điểm là tập trung vào các vấn đề liên quan trực tiếp đến lợi ích của người kết hôn, con cái, gia đình và xã hội. Nếu vi phạm các điều kiện kết hôn thì việc kết hôn là vô hiệu và có thể bị tiêu hủy. Ba bộ

luật trên phân biệt hôn nhân vô hiệu thành hai loại là vô hiệu tương đối và vô hiệu tuyệt đối. Vô hiệu tương đối chỉ do một số người nhất định mà pháp luật quy định mới có quyền yêu cầu tiêu hủy hôn nhân đó và sự vô hiệu ấy có thể bị mất đi do một sự kiện nào đó xuất hiện. Vô hiệu tuyệt đối thì có thể bất cứ người nào cũng có quyền yêu cầu tiêu hủy và sự vô hiệu ấy không bị mất đi do một thời hiệu hoặc một sự kiện nào. Thẩm quyền tuyên bố tiêu hủy hôn nhân vô hiệu thuộc về Tòa án. Hậu quả của việc tiêu hủy có sự quy định khác nhau trong ba Bộ Dân luật này. Bộ Dân luật Bắc Kỳ và Bộ Dân luật Trung Kỳ đều dựa trên nguyên tắc giảm bớt hậu quả đối với các chủ thể kết hôn cũng như đối với con cái họ. Trái lại, trong Bộ Dân luật giản yếu lại quy định rất khắt khe, nghiêm khắc hơn rất nhiều so với hai bộ luật trên: Khi việc kết hôn bị tiêu hủy thì nó không có hiệu lực gì, không những trong tương lai mà cả trong quá khứ nữa.

1.2.3. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975.

Ngày 10/10/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Sắc lệnh số 90/SL cho phép vận dụng những quy định trong pháp luật cũ có chọn lọc quy lệ và chế định trong các bộ dân luật cũ, theo nguyên tắc không trái với lợi ích của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và lợi ích của nhân dân lao động.

Năm 1946 bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam ban hành và trở thành cơ sở pháp lý quan trọng để Nhà nước ta ban hành các văn bản pháp luật khác, trong đó có Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ năm 1954, miền Bắc được giải phóng bước vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, đấu tranh thống nhất đất nước.

Ở miền Bắc, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 được Quốc hội khóa I kỳ họp thứ 11 thông qua vào ngày 29/12/1959. Luật quy định cụ thể những điều kiện kết hôn và trường hợp cấm kết hôn để bảo đảm hôn nhân thực sự an toàn, lành mạnh và tiến bộ. Tuy nhiên, trong văn bản pháp luật này không có quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật. Biện pháp xử lý đối với việc kết hôn trái pháp

luật được ghi nhận tại văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Tại công văn số 1264 ngày 01/11/1966. Qua kinh nghiệm thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân Tối cao đã có hướng dẫn đầy đủ hơn việc xử lý về dân sự những hôn nhân vi phạm điều kiện kết hôn tại Thông tư số 112-NCPL ngày 19/8/1972. Cụ thể:

Cần xử tiêu hôn những vi phạm điều kiện kết hôn đang tiếp diễn và tính chất nghiêm trọng như tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, đang có vợ, có chồng mà lấy vợ hoặc chồng khác, lấy người trong họ hàng mà Luật tuyệt đối cấm kết hôn; người đang mắc một trong những bệnh tật mà Luật cấm kết hôn.

Với những hôn nhân trước đây vi phạm điều kiện kết hôn nhưng nay đã chấm dứt hoặc vi phạm không có tính chất nghiêm trọng và có thể sửa chữa dễ dàng như: kết hôn không đăng ký thì xử lý theo đường lối ly hôn nhằm chiếu cố đến quyền lợi của đương sự nhất là phụ nữ và con cái của họ, cũng như chiếu cố đến phong tục tập quán của địa phương

Ở miền Nam, từ năm 1954 đến năm 1975, chế độ Nguyễn quyền Sài Gòn ban hành một hệ thống pháp luật riêng. Pháp luật về hôn nhân và gia đình tập trung trong ba văn bản pháp luật là Luật Gia đình ngày 02/1/1959 dưới chế độ Ngô Đình Diệm, Sắc luật số 15/64 ngày 23/7/1964 về giá thú, tử hê và tài sản cộng đồng và Bộ dân luật ngày 20/12/1972 của chế độ Nguyễn Văn Thiệu. Trong thời kỳ này việc kết hôn của hai bên nam nữ phải tuân theo các quy định về điều kiện kết hôn và cấm kết hôn nếu một trong hai bên vi phạm thì hôn thú sẽ vô hiệu và sẽ bị tiêu hủy.

1.2.4. Những quy định về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn từ năm 1975 đến nay.

Năm 1980 Hiến pháp mới được ban hành thay thế cho Hiến pháp năm 1959. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 bắt đầu thể hiện những bất cập cần phải sửa đổi cho phù hợp với các quan hệ hôn nhân và gia đình trong tình hình mới. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 ra đời thay thế cho Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đã có những quy định chi tiết hơn rất nhiều so với các văn bản trước đây về hủy việc kết hôn trái pháp luật. Đó là một số những trường hợp như: kết hôn giữa những người đang có vợ hoặc có chồng; đang mắc bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức hành vi của mình; đang mắc bệnh hoa liễu; giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa anh chị em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha mẹ nuôi với con nuôi ... Pháp luật quy định người có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật gồm có hai nhóm, cá nhân và cơ quan, tổ chức. Cá nhân gồm: Một hoặc hai bên đã kết hôn trái pháp luật, vợ, chồng hoặc con của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác. Cơ quan, tổ chức gồm Viện kiểm sát nhân dân, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đã có quy định khá cụ thể đối với các chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, bảo đảm thuận lợi và cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quyền yêu cầu. Về hậu quả của hủy việc kết hôn trái pháp luật, về tài sản, theo nguyên tắc: tài sản riêng của ai thì vẫn thuộc quyền sở hữu của người ấy; tài sản chung được chia căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi bên, về con cái, giải quyết như đối với trường hợp ly hôn. Tức là việc kết hôn trái pháp luật không ảnh hưởng tới quan hệ cha, mẹ - con.

Qua 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đã bộc lộ những hạn chế, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với sự vận động của các quan hệ hôn nhân và gia đình trong cơ chế thị trường. Vì vậy, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 7 thông qua vào ngày 09/6/2000, có hiệu lực ngày 01/01/2001. Luật quy định có sự chi tiết, cụ thể hơn. Phạm vi chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật cũng mở rộng hơn, bảo đảm quyền lợi cho người liên quan, bảo đảm cho việc phát hiện hành vi vi phạm các điều kiện kết hôn kịp thời, hiệu quả. Việc quy định đường lối giải quyết và hậu quả pháp lý thể hiện sự chi tiết và dễ áp dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, qua hơn

mười năm thi hành, áp dụng cho đến thời điểm hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng đã thể hiện những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vì lẽ đó, cần phải có những nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

Chương 2

NỘI DUNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT

2.1. Nguyên tắc xử lý đối với hủy việc kết hôn trái pháp luật

Mọi trường hợp kết hôn không tuân thủ một trong các điều kiện kết hôn do pháp luật quy định đều bị coi là kết hôn trái pháp luật. Về nguyên tắc, mối quan hệ đó không được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Thẩm quyền hủy chỉ thuộc về một cơ quan Nhà nước duy nhất có chức năng xét xử là Tòa án nhân dân.

Tuy nhiên, hủy việc kết hôn trái pháp luật không những ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của chủ thể đã thực hiện hành vi kết hôn trái pháp luật mà còn ảnh hưởng tới gia đình, xã hội và đặc biệt là con cái họ. Vì vậy, khi xử lý các trường hợp này, Tòa án phải có trách nhiệm làm rõ từng hành vi, chỉ ra từng hoàn cảnh vi phạm, phân tích mọi chi tiết, tính chất, mức độ vi phạm, tìm hiểu sâu sắc tâm lý chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, đặc biệt, cần phải xem xét, đánh giá thực tế cuộc sống chung đó. Trên cơ sở đó áp dụng một cách linh hoạt các chế tài tương ứng để có sự định đoạt thấu tình đạt lý nhằm đạt được mục tiêu chung.

2.2. Người có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Để hạn chế được tình trạng kết hôn trái pháp luật đang diễn ra ngày càng nhiều thì việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm điều kiện kết hôn có ý nghĩa rất quan trọng. Nhà nước đã quy định cho những chủ thể có quyền yêu cầu cơ quan Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật. Về nguyên tắc, Tòa án chỉ xem xét

giải quyết khi có đơn khởi kiện hoặc yêu cầu của cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức. Trong hủy việc kết hôn trái pháp luật, Luật Hôn nhân và gia đình quy định các cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật tại Điều 15. Theo điều luật trên chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật rất rộng, gồm có bốn nhóm: bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn; Vợ, chồng, cha, mẹ, con của các bên kết hôn; Viện kiểm sát; và Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ.

2.2.1. Bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn

Bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn là nạn nhân trực tiếp của việc kết hôn trái pháp luật. Vì vậy, Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định cho họ quyền trực tiếp yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật đó.

Tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn các hành vi vi phạm khoản 2 điều 9 gồm các hành vi sau: hành vi ép buộc, hành vi lừa dối, hành vi cưỡng ép và hành vi cản trở. Trong khi đó khoản 1 Điều 15 quy định chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là bên bị cưỡng ép, bị lừa dối. Đối với người bị ép buộc kết hôn luật không quy định họ có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Như vậy, là đã thiếu cơ sở pháp lý để chủ thể này tự bảo vệ quyền lợi của mình.

Ngoài ra, người bị cưỡng ép, lừa dối có quyền yêu cầu nhưng bản thân người cưỡng ép, lừa dối, ép buộc thì có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của mình hay không. Theo quy định của điều luật này thì bản thân người đó không có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật đó. Có thể xem đây là một điểm khuyết của quy định này, chưa bao quát được hết mọi tình huống có thể xảy ra trên thực tế nên pháp luật đã không đưa ra được biện pháp dự liệu.

2.2.2. Viện kiểm sát

Khoản 2 Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự có

quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10 của Luật này". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) chủ thể có quyền khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình không có Viện kiểm sát.

Sự mâu thuẫn này là do quá trình lập pháp, cần nhanh chóng sửa đổi, khắc phục.

2.2.3. Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ

Theo quy định tại khoản 2 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) quy định: Cơ quan về dân số, gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án về hôn nhân và gia đình trong trường hợp do Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Còn Ủy ban chăm sóc và bảo vệ trẻ em đã thay đổi về tổ chức nên cho đến nay vẫn chưa có tổ chức nào thừa kế tư cách khởi kiện. Vì vậy việc thực hiện quy định về thẩm quyền yêu cầu của các cơ quan, tổ chức còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc thực thi quyền yêu cầu không có hiệu quả.

Khoản 3 Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định cho các cơ quan, tổ chức có chức năng bảo vệ phụ nữ và trẻ em có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10 Luật này. Tuy nhiên, đối với những vi phạm tại khoản 2 Điều 9 thì các cơ quan, tổ chức trên có quyền yêu cầu không? Thiết nghĩ Luật Hôn nhân và gia đình nên có sự bổ sung mở rộng phạm vi yêu cầu của các chủ thể để bảo đảm trong mọi trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội được bảo vệ.

2.2.4. Vợ, chồng, cha, mẹ, con cái của các bên kết hôn.

Trường hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm về độ tuổi kết hôn và các trường hợp cấm kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình

thì vợ, chồng, cha, mẹ, con cái của người kết hôn trái pháp luật có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đó.

Tuy nhiên, người kết hôn trái pháp luật do vi phạm về độ tuổi nhưng khi họ đủ tuổi thì họ có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của mình không? Người mất năng lực hành vi dân sự tại thời điểm kết hôn nhưng sau đó họ khỏi bệnh thì có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật không? Những chủ thể khác của trường hợp vi phạm điều 10 Luật này có được quyền yêu cầu hay không thì pháp luật lại không có quy định... Như vậy, bản thân người trực tiếp tham gia quan hệ kết hôn trái pháp luật thì pháp luật lại không quy định cho họ có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Bên cạnh đó, đối với trường hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm độ tuổi mà cha mẹ của người đó đều chết không hay người mất năng lực hành vi dân sự thì luật không quy định cho người giám hộ của họ có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đó.

Ngoài ra, trường hợp người đang có vợ, có chồng mà kết hôn trái pháp luật với người khác, sau đó một bên chết, quan hệ thừa kế của người đó phát sinh. Để bảo vệ quyền thừa kế của mình thì những người thừa kế của họ có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật không?

Vì vậy, pháp luật cần có quy định theo hướng mở rộng phạm vi người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho những chủ thể trực tiếp tham gia quan hệ kết hôn trái pháp luật và những người liên quan khác.

2.3. Thẩm quyền của Tòa án và thủ tục hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 15 của Luật này, Tòa án xem xét và quyết định việc hủy kết hôn trái pháp luật”. Như vậy, thẩm quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật thuộc về Tòa án. Việc hủy kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo thủ tục việc dân sự

được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005. Theo đó thì Toà án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của một trong bên hoặc Toà án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Việc xác định đúng thẩm quyền giải quyết có ý nghĩa rất quan trọng, tránh sự chông chéo khi thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện cho các bên yêu cầu tham gia tố tụng, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tiết kiệm thời gian, công sức.

Về thủ tục tố tụng, huỷ việc kết hôn trái pháp luật là một loại việc dân sự. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là khi giải quyết về con chung, tài sản chung, nếu hai bên đương sự thoả thuận được với nhau thì Toà án công nhận sự thoả thuận đó. Nhưng nếu hai bên không thống nhất được, tức là có tranh chấp, thì Toà án giải quyết như thế nào? Theo quan điểm của tác giả là nên tách ra thành hai, đối với yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật thì giải quyết theo trình tự việc dân sự; còn tranh chấp về con hoặc về tài sản thì giải quyết theo trình tự vụ án, để tránh việc chông chéo trong quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, ảnh hưởng tới quyền tố tụng của các bên.

2.4. Căn cứ của huỷ việc kết hôn trái pháp luật và đường lối giải quyết đối với các trường hợp kết hôn trái pháp luật.

Căn cứ chung để huỷ kết hôn trái pháp luật là dựa trên những dấu hiệu vi phạm điều kiện kết hôn do pháp luật quy định.

2.4.1. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm độ tuổi kết hôn

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về độ tuổi kết hôn đối với nam là từ hai mươi tuổi trở lên; đối với nữ là từ mười tám tuổi trở lên. Ở đây luật chỉ quy định độ tuổi tối thiểu mà không giới hạn độ tuổi tối đa đối với nam và nữ khi kết hôn. Độ tuổi kết hôn này được Nhà nước ta duy trì ổn định từ khi có đạo luật đầu tiên về hôn nhân – gia đình là Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, đến năm 1989 và cho đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về cách tính tuổi, tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP và Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình hướng dẫn: không

bắt buộc nam phải đủ 20 tuổi trở lên, nữ phải đủ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn tức là nam đang ở tuổi 20, nữ đang ở tuổi 18 thì đủ điều kiện về tuổi kết hôn. Chỉ cần nam bước sang tuổi 19 cộng thêm một ngày, nữ bước sang tuổi 17 cộng thêm một ngày thì có thể kết hôn. Việc xác định độ tuổi, cơ quan đăng ký có thể căn cứ vào ngày khai sinh trong Sổ hộ khẩu của hai bên nam nữ để xác định.

Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành, quy định này cũng đã phát sinh một số vấn đề. Về năng lực chủ thể, quy định về tuổi kết hôn hiện nay chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định về người đã thành niên trong các ngành luật khác như Bộ luật dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Ngoài ra, quy định về tuổi kết hôn cũng chưa đồng bộ với các điều ước quốc tế về giới và bình đẳng giới, ví dụ công ước CEDAW về tuổi trẻ em và bình đẳng nam, nữ trong kết hôn. Việc quy định sự khác nhau trong tuổi kết hôn đối với nam và nữ vô tình thể hiện sự bất bình đẳng giới mà đây là vấn đề đang được xã hội quan tâm.

Xử lý trường hợp vi phạm độ tuổi kết hôn Toà án căn cứ từng trường hợp cụ thể để quyết định huỷ hay không. Toà án xem xét và chỉ xử huỷ đối với những trường hợp sau:

Thứ nhất: Tại thời điểm có yêu cầu mà một bên hoặc cả hai bên vẫn chưa đến tuổi kết hôn, tức là việc vi phạm vẫn đang tiếp diễn thì Toà án quyết định huỷ.

Thứ hai: Tại thời điểm có yêu cầu cả hai bên đã đến tuổi kết hôn, tức là việc vi phạm của họ đã chấm dứt, họ đã thoả mãn đầy đủ các điều kiện về kết hôn do pháp luật quy định nhưng cuộc sống của họ trong thời gian qua không có hạnh phúc, không có tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung của họ không đạt được mục đích của hôn nhân thì Toà án quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật đó.

Trường hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm độ tuổi nhưng Toà án không quyết định huỷ. Đó là trường hợp đến thời điểm có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đã đến tuổi kết hôn,

trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường, đã có con, có tài sản chung thì không quyết định việc huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Tức là tại thời điểm có yêu cầu việc vi phạm đã chấm dứt, cuộc sống chung của họ đạt được các tiêu chí gia đình hạnh phúc, tình cảm vợ chồng, có con chung, tài sản chung thì Tòa án không quyết định huỷ. Trong trường hợp đặc biệt "nếu phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu" của chính các bên đương sự thì Tòa án có thể giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết, việc xem xét tại thời điểm yêu cầu hành vi vi phạm còn tồn tại hay không có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào hành vi vi phạm đã chấm dứt mà Tòa án không quyết định huỷ việc kết hôn trái pháp luật của họ. Đó là trường hợp yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của người đã chết. Để giải quyết vấn đề này cần có cái nhìn khái quát từ nhiều góc độ. Kết hôn trái pháp luật là một sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ bất hợp pháp và được thừa nhận bằng một đăng ký hợp pháp. Những quan hệ phát sinh đó là quan hệ về nhân thân, về tài sản, chỉ có quan hệ cha, mẹ - con là không ảnh hưởng.

Như vậy, khi có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật Tòa án phải căn cứ vào từng trường hợp, căn cứ vào việc vi phạm đó có còn tồn tại hay không, căn cứ vào cuộc sống từ khi chung sống có bình thường không, con chung, tài sản chung không để có các quyết định cho phù hợp.

2.4.2. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm sự tự nguyện

Khoản 2 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn do nam, nữ tự quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở”. Đây cũng là một trong những nguyên tắc của chế độ hôn nhân gia đình Việt Nam được duy trì từ Sắc lệnh số 97-SL ngày 22/5/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về Sửa đổi một số quy lệ, chế định trong Dân luật, đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, năm 1986 và năm 2000.

Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn về vi phạm sự tự nguyện, tuy nhiên, hướng dẫn trên còn bộc lộ một số bất cập sau,

ng nghị quyết đã liệt kê các hành vi vi phạm sự tự nguyện kết hôn gồm hành vi ép buộc, hành vi lừa dối, hành vi cưỡng ép, theo quy định của khoản 2 Điều 9, vi phạm sự tự nguyện còn có hành vi cản trở. Như vậy, Nghị quyết đã liệt kê thiếu hành vi cản trở việc kết hôn tự nguyện. Mặt khác, văn bản này không đưa ra khái niệm ép buộc kết hôn, lừa dối kết hôn, cưỡng ép kết hôn; không chỉ ra được sự khác nhau giữa hành vi ép buộc kết hôn với hành vi cưỡng ép kết hôn. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình có đưa ra khái niệm "kết hôn giả tạo". Có ý kiến cho rằng, nên quy định kết hôn giả tạo là trường hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm sự tự nguyện kết hôn.

Ng nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn về đường lối giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm sự tự nguyện.

Trường hợp kết hôn do vi phạm sự tự nguyện pháp luật cũng có quy định hết sức linh hoạt, mềm dẻo. Khi giải quyết Tòa án phải xem xét ý chí của "nạn nhân" xem họ có biết việc bị ép buộc, lừa dối, cưỡng ép chưa. Nếu đã biết mà họ thông cảm, đồng ý tiếp tục chung sống và chung sống hoà thuận thì không cần thiết phải hủy vì kết quả của việc kết hôn đã phù hợp với mục đích của hôn nhân và có thể công nhận hôn nhân hợp pháp. Nếu sau khi kết hôn mà cuộc sống không hạnh phúc, không có tình cảm thì việc hủy kết hôn trái pháp luật là đúng đắn.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng điều luật này còn bộc lộ nhiều bất cập. Bởi, theo pháp luật tố tụng dân sự khi đương sự yêu cầu thì họ còn phải có nghĩa vụ xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Việc chứng minh yếu tố bị ép buộc, bị lừa dối hoặc bị cưỡng ép kết hôn đôi khi là khó khăn đối với đương sự. Như vậy, hủy kết hôn trái pháp luật đối với trường hợp này là không có tính khả thi.

2.4.3. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm các trường hợp cấm kết hôn.

- *Vi phạm điều kiện cấm kết hôn đối với người đang có vợ, có chồng.*

Hôn nhân một vợ một chồng là một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình Việt Nam. Điều 64 Hiến pháp năm 1992 khẳng định “Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng bình đẳng”. Pháp luật quy định rõ chỉ những người chưa kết hôn, người đã kết hôn nhưng vợ hoặc chồng đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc đã ly hôn thì mới có quyền kết hôn với người khác.

Trước khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực Nhà nước ta vẫn thừa nhận hai trường hợp "hôn nhân thực tế" nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Thứ nhất là trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/1/1987; Thứ hai là trường hợp chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/1/1987 đến trước ngày 01/01/2003. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra những người này vì không đăng ký kết hôn thì họ có thể đi đăng ký kết hôn với người khác hoặc một người chung sống như vợ chồng với hai người trước ngày 03/1/1987 thì hôn nhân nào được công nhận là hợp pháp. Như vậy, pháp luật cần đưa ra biện pháp để dự liệu đối với các trường hợp này để có biện pháp giải quyết.

Trường hợp thứ hai, khi một người đang có vợ hoặc có chồng, nhưng tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mà đã kết hôn với người khác, thì lần kết hôn sau là kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên, khi có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật họ đã ly hôn với vợ hoặc chồng của lần kết hôn trước, thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với lần kết hôn sau. Tuy nhiên, trên thực tế có trường hợp người vợ hoặc chồng ngoại tình nên không quan tâm, yêu thương vợ con dẫn đến tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và đã kết hôn trái pháp luật với người tình, sau đó, gây áp lực với người vợ hoặc chồng hợp pháp để giải quyết ly hôn thì khi có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án sẽ giải quyết thế nào?

- *Vì phạm điều kiện cấm kết hôn đối với người mất năng lực hành vi dân sự*

Người mất năng lực hành vi dân sự là người do bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. Pháp luật quy định cấm người mất năng lực hành vi dân sự kết hôn là xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Mặt khác, Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “mọi giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự do người đại diện theo pháp luật xác lập và thực hiện”. Trong khi đó, pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam không quy định chế định đại diện trong quan hệ hôn nhân và gia đình, bởi quyền kết hôn và ly hôn là quyền nhân thân gắn với bản thân mỗi người mà không thể chuyển giao, không thể ủy quyền, nên không thể có trường hợp người đại diện đứng ra kết hôn thay cho người mất năng lực hành vi dân sự.

- *Vi phạm điều kiện cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.*

Việc các nhà lập pháp quy định cấm kết hôn giữa những người trên là dựa trên cơ sở khoa học và cơ sở đạo đức.

Cụ thể, với mục tiêu bảo đảm cho sự phát triển của nòi giống và duy trì các giá trị tốt đẹp của truyền thống gia đình Luật hôn nhân và gia đình quy định việc kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời là trái pháp luật và là căn cứ để Tòa án huỷ việc kết hôn trái pháp luật đó.

- *Vi phạm điều kiện cấm kết hôn giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi, giữa người đã từng là cha mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.*

Những người trên là những người có quan hệ nuôi dưỡng và quan hệ thích thuộc. Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi mặc dù giữa họ không có quan hệ huyết thống nhưng trong mối quan hệ pháp lý cha, mẹ - con, họ có vị trí, quyền và nghĩa vụ như cha, mẹ đẻ với con đẻ. Mối quan hệ này thường được xác lập đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt. Vì vậy, quy định này thể hiện sự nhân đạo của Nhà nước ta, bảo đảm quyền lợi cho cha, mẹ nuôi, con nuôi. Ngoài ra,

còn là biện pháp nhằm ngăn chặn những hiện tượng lợi dụng mối quan hệ phụ thuộc để cưỡng ép kết hôn.

Trong mọi trường hợp khi có sự vi phạm về điều cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi, giữa người đã từng là cha mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì Tòa án quyết định hủy mà không có ngoại lệ. Tuy nhiên, thực tế rất khó xác định mối quan hệ huyết thống, có họ trong phạm vi ba đời, quan hệ thích thuộc. Trường hợp con trong giá thú và con ngoài giá thú kết hôn với nhau thì giải quyết như thế nào? Anh chị em ruột thất lạc nhau từ nhỏ, kết hôn với nhau thì giải quyết như thế nào? Đó là những trường hợp mà pháp luật vẫn chưa dự liệu hết.

- *Vi phạm điều kiện cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính.*

Điều này được quy định tại Khoản 5 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là quy định hoàn toàn mới so với các văn bản pháp luật trước đây, là sự đáp ứng kịp thời với những biến động của xã hội. Trước đây, vấn đề kết hôn cùng giới tính không được quan tâm, nhưng hiện nay hiện tượng chung sống giữa những người cùng giới tính diễn ra càng nhiều và công khai. Pháp luật Việt Nam không thừa nhận quan hệ này xuất phát từ cơ sở khoa học, cơ sở xã hội và là quy luật tự nhiên. Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng nhằm mục đích xây dựng gia đình, duy trì nòi giống. Hai người cùng giới kết hôn với nhau là đi ngược với bản chất của hôn nhân và không thể thực hiện được chức năng đối với gia đình và xã hội là duy trì nòi giống. Dưới góc nhìn xã hội, việc kết hôn giữa người cùng giới tính là sự suy đồi về đạo đức, là không phù hợp với lối sống của người Việt Nam.

Đối với trường hợp vi phạm điều kiện kết hôn do những người cùng giới tính thì căn cứ chính là việc xác định giới tính. Hệ quả pháp lý của việc xác định giới tính là việc cải chính hộ

tịch. Người đã xác định lại giới tính sẽ được thay đổi và công nhận giới tính, được thay đổi họ tên phù hợp giới tính trên các giấy tờ hộ tịch. UBND cấp quận, huyện có thẩm quyền tiến hành các thủ tục cải chính này. Đây là cơ sở xác định cho họ quyền được kết hôn đúng pháp luật.

Trong môi trường pháp luật Việt Nam nói chung và Luật Hôn nhân và gia đình nói riêng chưa có quy định bảo vệ quyền của người đồng tính. Khoản 5 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là “Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con, giữa con trai và con gái, con đẻ và con nuôi, con trong giá thú và con ngoài giá thú”. Quy định có tính liệt kê ở nguyên tắc này, vô tình đã thể hiện việc kỳ thị, phân biệt đối xử với con là người đồng tính, song tính hoặc chuyển giới, dị tính. Mặt khác, khoản 5 Điều 10 Luật này quy định cấm việc kết hôn giữa những người cùng giới tính. Việc sử dụng quy phạm “*cấm*” việc kết hôn giữa những người cùng giới tính để tạo ra hiệu ứng định kiến xã hội đối với người đồng tính.

Vì vậy, Luật Hôn nhân và gia đình cũng cần được sửa đổi, bổ sung để góp phần vừa ngăn ngừa thái độ kỳ thị đối với những người cùng giới tính vừa tạo cơ sở pháp lý để giải quyết hậu quả của việc chung sống như vợ chồng giữa người cùng giới tính đã và đang có trên thực tế.

2.5. Hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Việc kết hôn dù hợp pháp hay trái pháp luật đều phát sinh quan hệ nhân thân, quan hệ cha, mẹ - con và quan hệ tài sản. Vì vậy, quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật của Toà án cũng phải giải quyết triệt để cả ba vấn đề này.

2.5.1. Quan hệ nhân thân.

Tại khoản 1 Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên nam, nữ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng”.

2.5.2. Quan hệ cha, mẹ và con.

Trong hậu quả pháp lý của huỷ việc kết hôn trái pháp luật, quan hệ nhân thân không phát sinh nhưng quan hệ cha, mẹ - con lại được pháp luật bảo vệ. Bởi việc cha mẹ kết hôn hợp pháp hay không không làm thay đổi mối quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ, con. Đứa trẻ ra đời là sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con. Như vậy, mặc dù quan hệ của cha mẹ là trái pháp luật nhưng quyền và lợi ích của con cái vẫn được pháp luật bảo vệ, bởi mục đích chế tài huỷ kết hôn trái pháp luật không những là sự răn đe, phòng ngừa chung mà còn là việc bảo đảm sự ổn định cuộc sống cho các thành viên trong gia đình và trong xã hội.

2.5.3. Quan hệ tài sản.

Đối với trường hợp kết hôn hợp pháp thì tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung hợp nhất. Khi ly hôn, về nguyên tắc là chia đôi. Nhưng đối với kết hôn trái pháp luật quan hệ tài sản phát sinh trong quá trình chung sống của hai bên nam - nữ được xác định là tài sản chung theo phần. Về nguyên tắc, tài sản riêng của ai thì thuộc quyền sở hữu của người đó, còn tài sản chung thì chia theo sự thoả thuận của hai bên, nếu không thoả thuận được thì Tòa án giải quyết.

Do đặc trưng về giới tính nên người phụ nữ trong trường hợp này thường là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi. Vì vậy, vẫn như trường hợp ly hôn "ưu tiên bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ và con" là nguyên tắc được áp dụng trong trường hợp này thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ xã hội chủ nghĩa.

2.6. Một số ý kiến về thực tiễn giải quyết việc huỷ kết hôn trái pháp luật.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 qua 13 năm thi hành đã đạt được những kết quả tích cực. Những quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình đã thực sự đi sâu vào cuộc sống và nhận thức của người dân. Luật Hôn nhân và gia đình đã từng bước xây dựng, duy trì và củng cố gia đình Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa, phát huy

những truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ dần những thủ tục, tư tưởng lạc hậu của chế độ cũ.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật mà Tòa án thụ lý giải quyết chiếm tỷ lệ nhỏ trong tỷ lệ thụ lý, giải quyết các loại vụ việc về hôn nhân gia đình và chiếm tỷ lệ nhỏ so với các việc kết hôn trái pháp luật tồn tại trên thực tế. Thực trạng này xuất phát là từ các nguyên nhân sau:

Thứ nhất: Yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật chỉ được Tòa án thụ lý giải quyết khi có yêu cầu.

Thứ hai: Việc phát hiện các trường hợp kết hôn trái pháp luật còn chậm.

Thứ ba: Hiện nay, khi giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án đã áp dụng điểm d, mục 2, Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP quy định từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định hủy kết hôn trái pháp luật hay công nhận hôn nhân của các đương sự.

Thứ tư: Quyết định của Tòa án thường khó được thi hành do chưa có cơ chế bảo đảm thi hành án.

Thứ năm: Hệ thống cơ quan xét xử còn rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở làm việc và nguồn nhân lực.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Phương hướng cơ bản để hoàn thiện pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật.

3.1.1. Nhu cầu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật

Với vai trò là một ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã có những tác động tích cực đến việc tạo môi trường lành mạnh để hình thành nhân cách con người, đề cao vai trò của gia đình trong đời sống xã hội,

góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ. Luật cũng đã tạo hành lang pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình và xã hội, hạn chế dần các hành vi vi phạm pháp luật. Một trong những hành vi vi phạm luật hôn nhân và gia đình phổ biến là vi phạm các điều kiện kết hôn. Vì vậy, các quy định pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật đã có những đóng góp quan trọng trong việc hạn chế, phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm về điều kiện kết hôn.

Tuy nhiên, do sự phát triển của kinh tế, các quan hệ trong xã hội cũng có sự thay đổi phong phú. Quá trình thi hành và áp dụng pháp luật cũng bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập. Trong bản thân nội tại các quy định về hủy kết hôn trái pháp luật cũng có sự không phù hợp với các quan hệ mà nó điều chỉnh. Những quy định của pháp luật vẫn chưa bao quát được hết các quan hệ về hôn nhân và gia đình đã và đang diễn ra trong thực tiễn, làm mất ổn định các mối quan hệ này, chưa thể hiện được một cách đầy đủ chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

Hơn nữa, nằm trong hệ thống pháp luật của Nhà nước, Luật Hôn nhân và gia đình cũng thể hiện sự thiếu đồng bộ với các ngành luật liên quan. Nhiều văn bản luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung hoặc được ban hành mới, như: Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; Bộ luật dân sự năm 2005; Luật bình đẳng giới năm 2006; Luật Nuôi con nuôi năm 2010 ... Vì vậy, nhiều quy định về hủy kết hôn trái pháp luật hiện hành không đảm bảo tính hệ thống, sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản luật pháp luật có liên quan. Ví dụ: quy định về tuổi kết hôn, về quyền yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật hôn nhân và gia đình là chưa đồng bộ với các quy định của Bộ luật dân sự và một số luật khác có liên quan.

Để đáp ứng được các yêu cầu khách quan về xây dựng và hoàn thiện chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam trong giai đoạn phát triển kinh tế – xã hội hiện nay và các giai đoạn phát triển tiếp theo thì việc điều chỉnh các quy định pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật là rất cần thiết.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay, có thể hoàn thiện pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật theo hướng chủ yếu sau:

Thứ nhất: Thể chế hóa những quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách con người Việt Nam.

Thứ hai: Hoàn thiện các quy định của pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật trên cơ sở tôn trọng và có cơ chế pháp lý đầy đủ để bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người trong lĩnh vực kết hôn; bình đẳng giới; bảo vệ phụ nữ, trẻ em; quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức khác có liên quan; lợi ích của gia đình, Nhà nước và xã hội.

Thứ ba: Hoàn thiện các quy định của pháp luật trên cơ sở kế thừa, phát triển các quy định còn hợp lý; phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp của gia đình dân tộc Việt Nam; căn cứ trên thực tiễn để giải quyết một cách kịp thời các vấn đề mới phát sinh trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

Thứ tư: Hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật liên quan.

Thứ năm: Bảo đảm sự phù hợp với xu thế hội nhập thế giới, cần có sự tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về hôn nhân và gia đình.

3.2. Một số giải pháp cơ bản hoàn thiện quy định về hủy kết hôn trái pháp luật.

Qua nghiên cứu về hủy kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cho thấy các quy định của pháp luật đã cơ bản bảo đảm được việc giải quyết các trường hợp vi phạm về điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, do sự thay đổi của xã hội, các quy định có xu hướng không phù hợp. Vì vậy, tác giả xin đưa ra một số kiến nghị về giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật và việc áp dụng pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật.

Thứ nhất: Về phạm vi người yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, nên điều chỉnh theo hướng mở rộng hơn.

Thứ hai: Đối với quy định về độ tuổi kết hôn, cần có sự điều chỉnh về quy định độ tuổi kết hôn để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các quy định của Bộ luật dân sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự và các luật khác có liên quan.

Thứ ba: Đối với quy định về sự tự nguyện của nam, nữ khi kết hôn, nên bỏ phần liệt kê các hành vi vi phạm sự tự nguyện và các văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần hướng dẫn cụ thể và thống nhất để bảo đảm tính hiệu quả trong quá trình thực hiện và áp dụng.

Thứ tư: Đối với trường hợp cấm kết hôn giữa người mất năng lực hành vi dân sự, không nên sử dụng thuật ngữ "người mất năng lực hành vi dân sự" mà nên quy định rõ là người mắc bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ hành vi của mình thì cấm kết hôn

Thứ năm: Đối với quy định cấm kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người có họ trong phạm vi ba đời, pháp luật cần có dự liệu đối với người sinh ra bằng phương pháp khoa học.

Thứ sáu: Cần bổ sung thêm trường hợp kết hôn giả tạo trong các trường hợp cấm kết hôn.

Thứ bảy: Hiện nay, số vụ việc mà Tòa án thụ lý giải quyết về hôn nhân gia đình chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng số lượng các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án. Vì vậy, cần có văn bản quy định

về tổ tụng dành riêng cho hôn nhân và gia đình để bảo đảm việc giải quyết án hôn nhân và gia đình được hiệu quả.

KẾT LUẬN

Hủy kết hôn trái pháp luật là một chế tài được áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm các điều kiện kết hôn và các trường hợp cấm kết hôn được quy định tại các Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thể hiện thái độ phủ định của Nhà nước đối với các hành vi đó, buộc các bên phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng. Việc hủy kết hôn trái pháp luật khiến cho các chủ thể phải gánh chịu những hậu quả bất lợi đối với bản thân và con cái họ như các quyền lợi về nhân thân, về tài sản. Bằng biện pháp chế tài của Luật Hôn nhân và gia đình mà tỷ lệ các việc dân sự về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong những năm gần đây giảm đáng kể so với các vụ việc về hôn nhân và gia đình mà Tòa án nhân dân đã thụ lý. Tuy nhiên, hiện tượng kết hôn trái pháp luật vẫn xảy ra ngày một phổ biến trong xã hội với những dạng hành vi vi phạm ngày càng phong phú và mới mẻ hơn.

Với những nghiên cứu của luận văn, chúng ta có thể tiếp cận được dưới nhiều góc độ khác nhau về cả lý luận và thực tiễn của vấn đề hủy việc kết hôn trái pháp luật. Luận văn đã đi sâu nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về hủy việc kết hôn trái pháp luật như nguyên tắc giải quyết, người có quyền yêu cầu, căn cứ giải quyết của Tòa án, đường lối xử lý và hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật. Từ những vấn đề lý luận dẫn chiếu vào quy định pháp luật và thực tiễn thi hành để thấy được những điểm hợp lý cũng như những bất cập của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đó luận văn đã chỉ ra nhu cầu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật và những phương hướng hoàn thiện pháp luật, từ đó nêu ra một số giải pháp, kiến nghị cơ bản góp phần hoàn thiện hơn các quy định pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình nhằm bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ.